FireAnt

CTCP Điện nước An Giang (UPCOM: DNA)

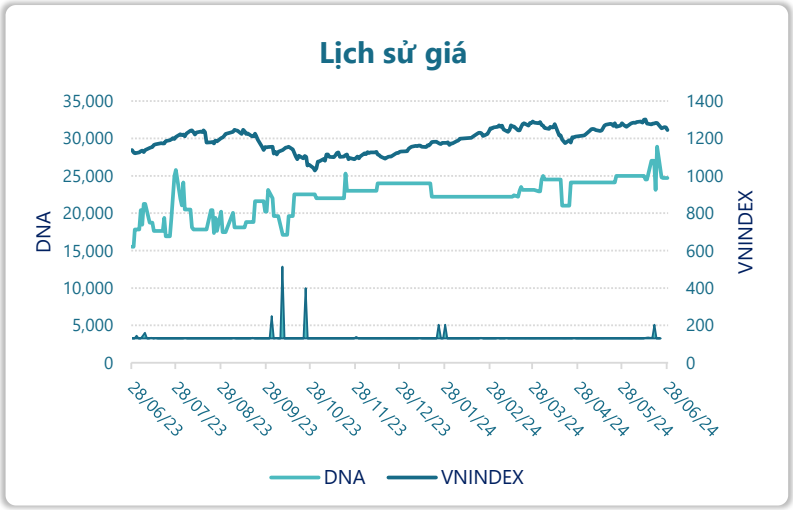

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**24,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,514
SL cổ phiếu LH	56,329,567
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,045
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,391
P/E	9.2
EPS	2,673

DT thuần

Q2/24

755

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 125| 19.9%

YoY: ▲ 105| 16.2%

LN sau thuế

Q2/24

36.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.0| -43.4%

YoY: ▼10.7| -22.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

6.7%

+/- YoY: ▼ 3.3%

DT thuần

6T 2024

1,386

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 228| 19.6%

LN sau thuế

6T 2024

101

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.4| 30.3%

ROE

Q2/24

18.3%

+/- YoY: ▲ 1.0%

Kết quả kinh doanh

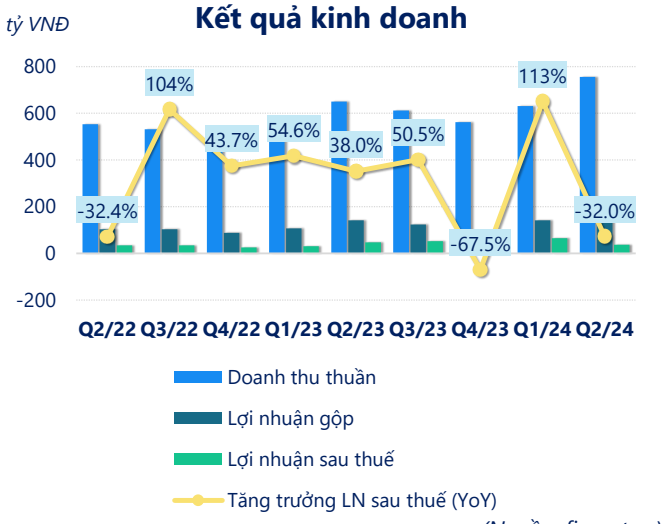

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

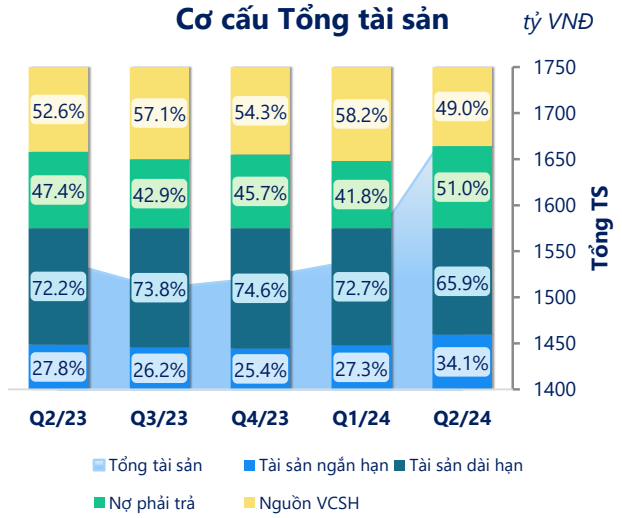

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

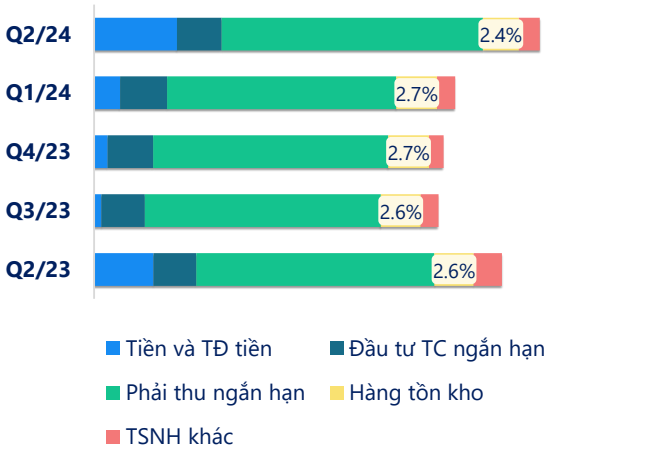

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

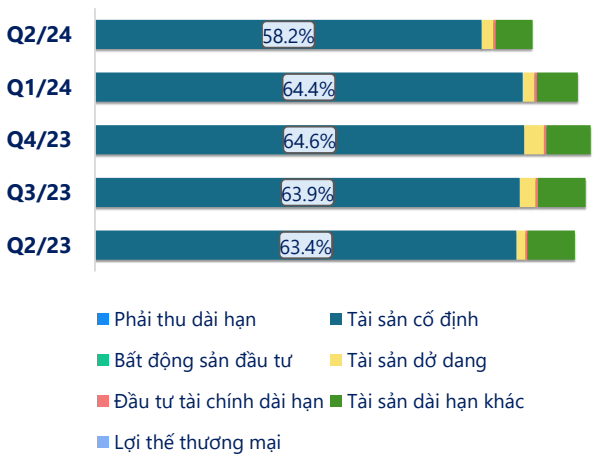

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

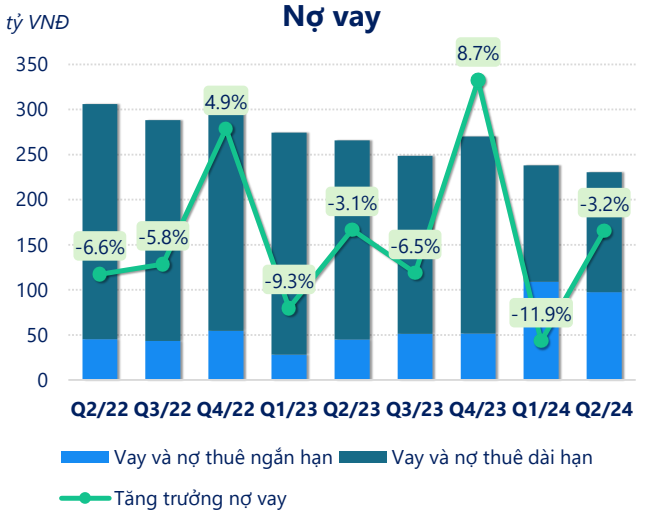

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

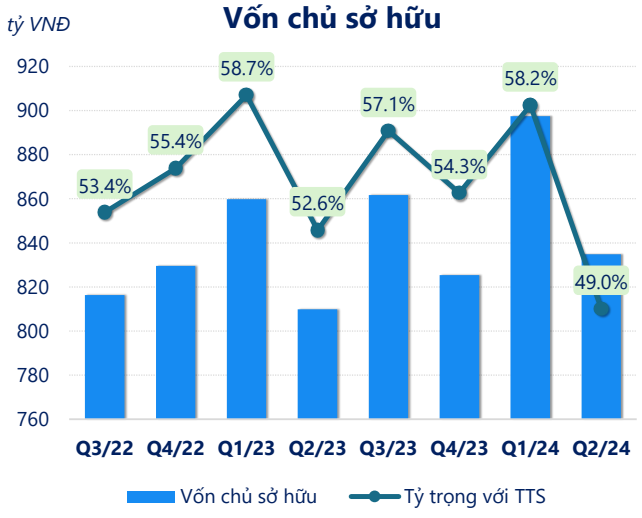

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

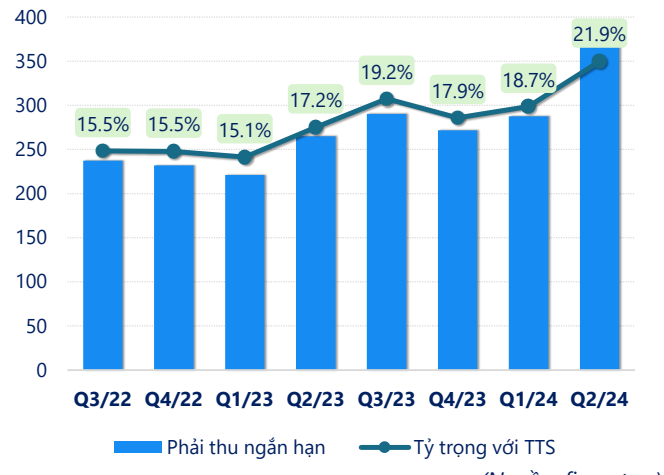

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

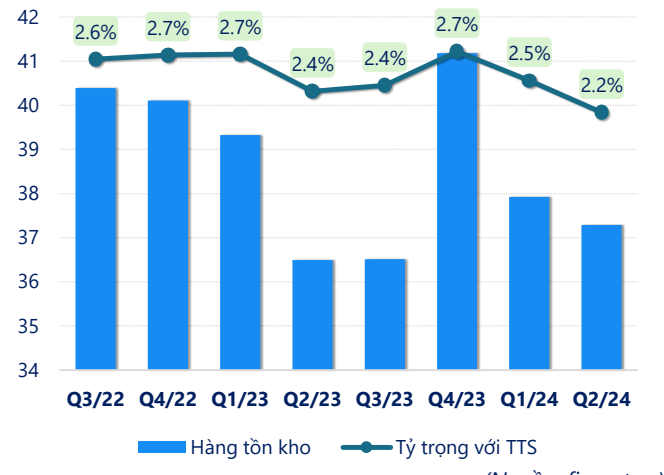

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

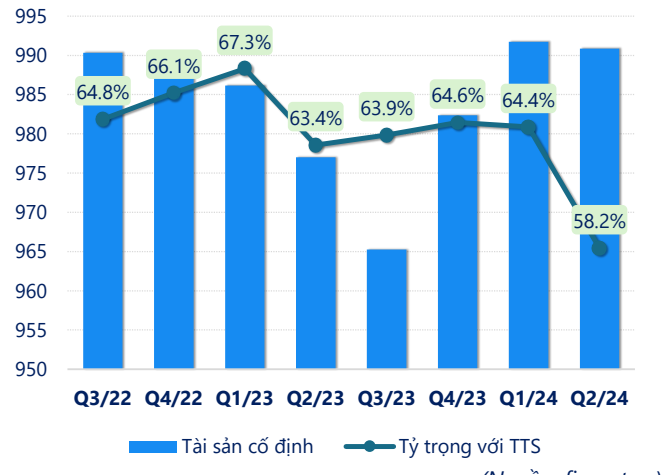

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

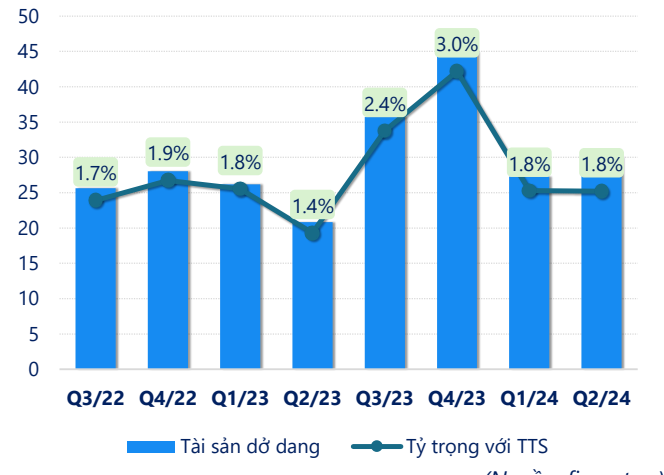

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

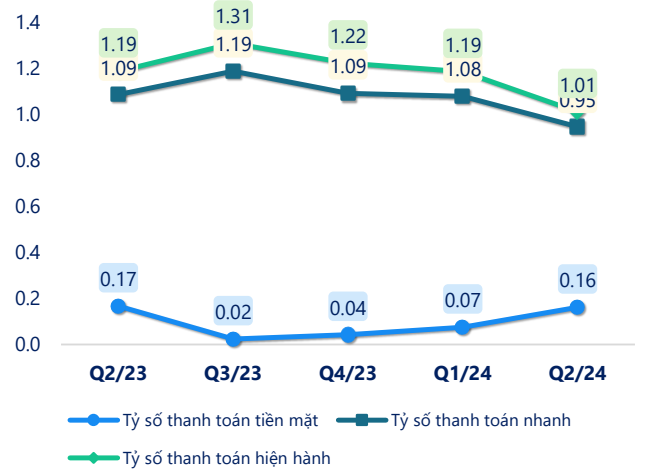

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

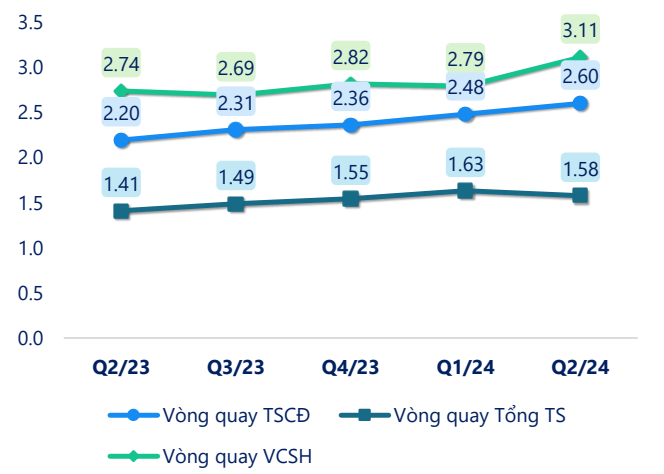

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,540**	**1,510**	**1,521**	**1,541**	**1,703**
Tài sản ngắn hạn	**428**	**395**	**387**	**421**	**581**
Tiền và tương đương tiền	60.1	7.20	13.5	26.5	92.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.3	36.3	45.3	45.3	45.3
Phải thu ngắn hạn	265	290	272	288	372
Hàng tồn kho	36.5	36.5	41.2	37.9	37.3
Tài sản ngắn hạn khác	21.3	25.1	15.1	23.9	33.7
Tài sản dài hạn	**1,112**	**1,114**	**1,134**	**1,120**	**1,122**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	977	965	982	992	991
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.8	35.7	44.9	27.3	30.1
Đầu tư tài chính dài hạn	3.58	5.58	5.58	5.58	5.58
Tài sản dài hạn khác	111	108	101	95.1	95.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**730**	**648**	**696**	**644**	**868**
Nợ ngắn hạn	**360**	**302**	**316**	**355**	**575**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.0	51.0	51.4	109	97.5
Phải trả người bán ngắn hạn	23.8	34.4	90.4	111	189
Nợ dài hạn	370	346	379	288	294
Vay và nợ thuê dài hạn	221	197	219	129	133
Nguồn vốn chủ sở hữu	**810**	**862**	**825**	**897**	**835**
Vốn chủ sở hữu	**810**	**862**	**825**	**897**	**835**
Vốn điều lệ	563	563	563	563	563
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)